

Bản án số: **98/HNGĐ-ST**
Ngày: 27/3/2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Toàn

Bà Nguyễn Thị Lê

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 536/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 10/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị X - sinh năm 1984; HKTT: Đội 5, xã CQ, huyện HĐ, thành phố Hà Nội;

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phạm S - sinh năm 1979; HKTT: Đội 5, xã CQ, huyện HĐ, Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Phạm S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, thành phố Hà Nội ngày 15/11/2002, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay và vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn

vì anh S chơi bời cờ bạc không quan tâm đến vợ con, nhiều lần chị và gia đình hai bên nội ngoại khuyên nhủ nhưng không được, anh S chỉ thay đổi trong thời gian ngắn sau đó anh S lại như cũ, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, mặc dù vợ chồng không đánh cãi chửi nhau nhưng tình cảm thì nhạt dần, tháng 8 năm 2022 chị đã về nhà mẹ đẻ ở vì ngôi nhà chị và các con đang ở anh S đã tự ý bán cho người khác nên họ đến đuổi mẹ con chị đi nên chị và các con chuyển về nhà mẹ đẻ chị ở, nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh S không còn, xin được ly hôn anh S để giải phóng cho cả hai bên.

- **Về con chung:** Vợ chồng sinh được 02 con chung gồm: Cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 11/10/2005, cháu Phạm Q, sinh ngày 05/11/2008, hiện tại hai cháu đang ở với chị, nay ly hôn chị xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- **Về tài sản chung:** Quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh tài sản gì nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ và được nợ:** Vợ chồng không nợ ai và cũng không được nợ của ai, nay ly hôn chị không yêu cầu giải quyết.

**** Bị đơn anh Phạm S vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên không có quan điểm trình bày:***

****UBND xã C có quan điểm:*** Chị Trần Thị X và anh Phạm S kết hôn năm 2002, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện H, thành phố Hà Nội ngày 15/11/2002, quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được 1 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh S chơi bời không quan tâm đến vợ con, anh chị ly thân đã lâu, hai bên không quan tâm nhau, nay chị X xin ly hôn quan điểm của UBND xã C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh S, chị X có sinh được 2 cháu là Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 11/10/2005, cháu Phạm Q, sinh ngày 05/11/2008, hiện tại cháu đang ở với chị X, nay chị X ly hôn và xin trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ khi các cháu ở với chị X, UBND xã C, ban thương bình xã hội và hội phụ nữ xã Cát Quế không nhận được bất cứ văn bản nào về việc chị X nuôi dưỡng các cháu không tốt, không cho các cháu đi học hoặc ngược đãi các cháu, hiện tại các cháu vẫn được chị X cho đi học, và nuôi dưỡng tốt.

Khi Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức gửi giấy triệu tập cho anh S, UBND xã đã trực tiếp đến nhà anh S để giao giấy triệu tập, việc anh S không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án đây là do ý thức chấp hành pháp luật của anh S.

***Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:**

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét:

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị X, xử cho chị X được ly hôn với anh Phạm S.

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 11/10/2005, cháu Phạm Q, sinh ngày 05/11/2008 đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Anh S vắng mặt nên không có quan điểm. Giành quyền khởi kiện chia tài sản sau ly hôn nếu anh S có yêu cầu và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung là quan hệ “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại địa bàn huyện Hoài Đức, căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị X và anh S kết hôn đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục, điều kiện về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh S là hợp pháp.

Sau kết hôn, Chị X và anh S chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh S chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Theo lời khai của chị X vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Tháng 8/2022 do anh S đã bán nhà cho người khác nên mẹ con chị X phải về nhà bố mẹ đẻ chị X sinh sống.

Xét thấy: Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã nhiều lần gửi giấy triệu tập để triệu tập anh S lên Tòa án để giải quyết việc chị X xin ly hôn anh S, nhưng anh S đều không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương đến gia đình anh S nhưng anh S không có nhà, việc anh S không đến Tòa án thể hiện việc anh S không coi trọng cuộc hôn nhân này, không có mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nên Tòa án có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh S đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ly hôn là giải pháp tốt nhất cho các thành viên trong gia đình. Vì vậy, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị X, xử cho chị X được ly hôn anh S là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

* *Về con chung:* Chị X và anh S có 02 (hai) con chung là cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 11/10/2005 và cháu Phạm Q, sinh ngày 05/11/2008, hiện tại các cháu đang ở với chị X.

Nay ly hôn, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Xét thấy, cháu Tr và cháu Q có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định cùng chị X, mặt khác cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng chị X, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị X, giao cháu Tr và cháu Q cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị X tự nguyện không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh S tự thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

* *Về tài sản chung, nợ chung:*

- Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng trong vụ án này, quan điểm của chị X là không trái với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

- Anh S không có mặt tại Tòa án nên không có quan điểm về việc giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện vụ án về chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cho anh S khi anh S có yêu cầu và phù hợp theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị X.

- Xử chị Trần Thị X được ly hôn anh Phạm S.

- **Về con chung:** Giao cháu Phạm Thị Huyền Tr, sinh ngày 11/10/2005 và cháu Phạm Q, sinh ngày 05/11/2008 cho chị Trần Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh S tự thực hiện.

Anh Phạm S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Dành quyền khởi kiện vụ án về chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cho anh Phạm S khi anh S có yêu cầu và phù hợp các quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Trần Thị X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2019/0016165 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị Trần Thị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm S có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã C, huyện H, Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Quỳnh

